

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 162/2024/HSPT
Ngày: 19/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Với Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Lan Hương**

Các thẩm phán: Bà **Phan Thị Thu Hương**

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trí**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Út** – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Kiên** – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 368/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo **Nguyễn Võ Thiện N**, **Nguyễn Thị Ngọc P** và **Lê Thúy H** do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 363/2023/HSST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Võ Thiện N**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1998 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: **Tổ E, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Con ông: **Nguyễn Công M**, sinh năm 1966; Con bà: **Võ Thị Yến N1**, sinh năm 1966.

Gia đình có 02 chị em; Bị cáo là con thứ hai.

Vợ: **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm 1995; Có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 08/01/2023 đến ngày 22/02/2023 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn theo Quyết định về việc bảo lãnh số 4778/QĐ ngày 22/02/2023 (có mặt).

2. **Nguyễn Thị Ngọc P**; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1999 tại Đồng Nai.

Thường trú: **Tổ A, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai**.

Chỗ ở hiện nay: **Tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Công nhân.

Con ông: **Nguyễn Lê T**, sinh năm 1970; Con bà: **Đoàn Ngọc S**, sinh năm 1974.

Gia đình có 03 anh chị em; Bị cáo là con nhỏ nhất.

Chồng: **Nguyễn Trường N2**, sinh năm 2000 (đã ly hôn năm 2021); Có 01 con sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 08/01/2023 đến ngày 17/01/2023 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

3. Lê Thúy H; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 2001 tại Sóc Trăng.

Thường trú: **Ấp G, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**.

Chỗ ở hiện nay: **Tổ D, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông: **Lê Văn S1**, sinh năm 1974; Con bà: **Nguyễn Thị Bé L**, sinh năm 1979.

Gia đình có 02 chị em; Bị cáo là con lớn nhất.

Bị cáo chưa có chồng, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 08/01/2023 đến ngày 17/01/2023 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo **H**: Luật sư **Phạm Quốc H2** và luật sư **Nguyễn Vũ Khánh D** thuộc **Đoàn luật sư thành phố H**(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nội dung chính của vụ án:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Võ Thiện N, **Nguyễn Thị Ngọc P** và **Lê Thúy H** là người sử dụng trái phép chất ma túy. Từ tháng 9/2022, **P** và **H** cùng thuê phòng số 2, lầu 3, căn nhà **số G, tổ D, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** để ở. Trong thời gian sinh sống tại căn phòng trên, **P** và **H** trang bị loa Bluetooth, đèn led mục đích để nghe nhạc và thỉnh thoảng cả hai cùng sử dụng ma túy (bóng cười).

Khoảng 00h00 ngày 08/01/2023, trong lúc **P**, **H** đang ở nhà thì **Nguyễn Khắc L1** và **Nguyễn Trọng N3** đến chơi. Khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày, có thêm **Nguyễn Võ Thiện N** đến chơi. Tại đây, **N** rủ **P**, **H**, **L1**, **N3** sử dụng ma túy thì cả nhóm đồng ý. **P** và **H** đồng ý cho cả nhóm sử dụng ma túy tại căn phòng mà **P**, **H** đang thuê. Tiếp đó, **N** liên hệ với một người đàn ông có tên tài khoản zalo là "**Cxe ôm**" (không rõ lai lịch) để mua thuốc lắc và ma túy tổng hợp (hàng khay), hẹn giao ma túy tại trước nhà của **P** và **H** thuê. Trong lúc cả nhóm đang chờ **N** mua ma túy thì **Phan Nhật T1** cũng đến căn nhà trên. Lúc này, cả nhóm thông báo lại cho **T1** biết về việc **N** đang đặt mua ma túy để cả nhóm sử dụng thì **T1** đồng ý sử dụng ma túy chung với cả nhóm.

Khoảng 02 giờ ngày 08/01/2023, tại trước nhà số G, tổ D, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, N mua của đối tượng “Chung xe ôm” 03 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy tổng hợp (hàng khay) với giá 3.400.000 đồng (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng). N đem số ma túy trên về phòng của P, H thuê và để ma túy xuống nền nhà. Lúc này, H bẻ 03 viên thuốc lắc thành 06 phần. P lấy đĩa thủy tinh hình tròn bỏ số ma túy tổng hợp (hàng khay) vào đĩa rồi dùng thẻ cà nhuễn và lấy tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) cuộn tròn để cả nhóm sử dụng ma túy. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/01/2023, khi N, H, P, T1, N3, L1 sử dụng ma túy xong và nằm tại phòng nghe nhạc thì bị Công an phường T, thành phố B kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Quá trình điều tra, Nguyễn Võ Thiện N, Nguyễn Thị Ngọc P và Lê Thúy H khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng trên bề mặt có bám dính chất bột màu trắng (Kí hiệu M1) được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị Ngọc P và hình dấu tròn của Công an phường T, thành phố B.

- 01 đĩa thủy tinh hình tròn có bám dính chất bột màu trắng (Kí hiệu M2) được niêm phong có chữ ký của Nguyễn Thị Ngọc P và hình dấu tròn của Công an phường T, thành phố B.

- 01 loa, 01 đèn led của Nguyễn Thị Ngọc P và Lê Thúy H;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A03 màu đen, số Imei: 353151330814009 của Nguyễn Võ Thiện N sử dụng vào việc phạm tội.

Tại bản kết luận giám định 60/KL ngày 13/01/2023 của Phòng K Công an tỉnh D, kết luận:

- Mẫu chất bột màu trắng (Kí hiệu M1) bám dính trên 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại: Ketamine.

- Mẫu chất bột màu trắng (Kí hiệu M2) bám dính trên 01 (một) đĩa thủy tinh hình tròn được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại: Ketamine.

- Mẫu ở dạng vết không xác định được khối lượng. Không hoàn lại mẫu vật gửi giám định do đã sử dụng hết trong công tác giám định.

Qua quá trình điều tra: Phòng số 2, lầu 3, căn nhà số G, tổ D, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do anh Lê Khánh D1 quản lý sử dụng. Từ tháng 9/2022, anh D1 cho Nguyễn Thị Ngọc P và Lê Thúy H thuê phòng số 02, lầu 3 của căn nhà để ở. Anh D1 không biết P và H sử dụng căn phòng trên vào việc phạm tội.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sự sơ thẩm 363/2023/HSST ngày 20/7/2023, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (Các bị cáo P, H áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự), xử phạt các bị cáo:

- **Nguyễn Võ Thiện N07 (B)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị giam giữ trước đó từ ngày 08/01/2023 đến ngày 22/02/2023.

- **Nguyễn Thị Ngọc P06 (Sáu)** năm 06 (**S2**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị giam giữ trước đó từ ngày 08/01/2023 đến ngày 17/01/2023.

- **L2(Sáu)** năm 06 (**S2**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị giam giữ trước đó từ ngày 08/01/2023 đến ngày 17/01/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

3. Kháng cáo của các bị cáo:

Ngày 24/7/2023, các bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc P** và **Lê Thúy H** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là quá nặng.

Ngày 28/7/2023, bị cáo **Nguyễn Võ Thiện N** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng.

4. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Các bị cáo làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đúng nội dung, hình thức đơn kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Võ Thiện N** mức án: 07 (bảy) năm tù, các bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc P**, **Lê Thúy H** mỗi bị cáo 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhận thấy bị cáo **N** là người rủ rê, chuẩn bị ma túy, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Các bị cáo **P**, **H** tuy cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là hiện đang mang thai nhưng xét thấy mức án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

5. Quan điểm bào chữa cho bị cáo **H của luật sư **Phạm Quốc H2** và luật sư **Nguyễn Vũ Khánh D**:**

- Giả sử cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **H** với vai trò đồng phạm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng thì tại cấp phúc thẩm bị cáo cung

cấp được tình tiết giảm nhẹ mới là đang mang thai. Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và phạm tội với vai trò đồng phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo sẽ phải nuôi con nhỏ. Ngoài ra, cũng đề nghị xem xét cho bị cáo **P** được hưởng án treo vì bị cáo **P** cũng có tình tiết giảm nhẹ tương tự bị cáo **H** và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **N**.

- Tuy nhiên, luật sư nhận thấy việc cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là quá nghiêm khắc, chưa đảm bảo cơ sở khoa học và pháp lý vì điều luật không quy định rõ ràng thế nào là “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng cấp sơ thẩm không chỉ ra được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là như thế nào và không đưa ra được căn cứ pháp lý và căn cứ khoa học để kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” vì căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17 ngày 21/12/2007 của **Bộ C1** – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại Điều 197 Bộ luật hình sự 1999 (quy định hoàn toàn giống với Điều 255 Bộ luật hình sự hiện hành) tại tiểu mục 6.1 và 6.2 thì hành vi của các bị cáo không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Cho đến nay, chưa có văn bản pháp luật nào khác ngoài Thông tư 17 nêu trên hướng dẫn về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thì vẫn áp dụng Thông tư 17 để xác định như thế nào là tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong vụ án này, các bị cáo không có sự phân công, không sắp xếp tổ chức cụ thể như thế nào trong việc sử dụng ma túy mà chỉ rủ nhau cùng sử dụng ma túy nên không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Nếu cấp sơ thẩm dựa trên Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao để kết tội các bị cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại giá trị pháp lý và giá trị khoa học của Công văn này vì Công văn số 89 chỉ là giải đáp đơn ngành, không có giá trị pháp lý như Thông tư liên tịch số 17; Công văn số 89 lại mâu thuẫn với Thông tư liên tịch số 17 trong khi nội dung Điều 197 của Bộ luật hình sự cũ và Điều 255 của Bộ luật hình sự hiện hành hoàn toàn giống nhau thể hiện ý chí của nhà làm luật không thay đổi; nội dung của Công văn số 89 không có cơ sở khoa học và pháp lý, không phù hợp với Bộ luật hình sự; sự vi phạm ngôn ngữ học và logic học của Công văn này còn thể hiện là sự vi phạm nguyên tắc “suy đoán vô tội”.

Vì vậy, tuy các bị cáo đều nhận tội và chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng do hành vi của bị cáo không đủ căn cứ cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận vào ngày 08/01/2023, **Nguyễn Thị Ngọc P** và **Lê Thúy H** đồng ý dùng nơi thuê trọ của mình tại Phòng số 2, lầu 3, căn nhà số **G**, tổ **D**, khu phố **B**, phường **T**, thành phố **B**, tỉnh **Đồng Nai** cho các bị cáo cùng với bị cáo **Nguyễn Võ Thiện N**, **Nguyễn Khắc L1**, **Nguyễn Trọng N3** và **Phan Nhật T1** cùng nhau sử dụng ma túy. Bị cáo **N** đã đặt mua của đối tượng “Chung xe ôm” 03 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy tổng hợp (hàng khay); **H** bẻ 03 viên thuốc lắc thành 06 phần; **P** lấy đĩa thủy tinh hình tròn bỏ số ma túy tổng hợp (hàng khay) vào đĩa rồi dùng thẻ cà nhuộm và lấy tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) cuộn tròn để cả nhóm sử dụng ma túy. Sau đó, đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 08/01/2023, khi các bị cáo **N**, **H**, **P** và **T1**, **N3**, **L1** sử dụng ma túy xong, nằm tại phòng nghe nhạc thì bị **Công an phường T**, **thành phố B** kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo **N** là người rủ rê và cung cấp ma túy; còn các bị cáo **P** và **H** khi được bị cáo **N** rủ đã đồng ý dùng phòng trọ của mình thuê (cung cấp địa điểm) cho **T1**, **N3**, **L1** sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy, cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo **Nguyễn Võ Thiện N**, **Nguyễn Thị Ngọc P** và **Lê Thúy H** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với chất ma túy mà còn làm mất trật tự xã hội tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống cộng đồng.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Võ Thiện N** mức án: 07 (**B**) năm tù, các bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc P**, **Lê Thúy H** mỗi bị cáo 06 (**Sáu**) năm 06 (**S2**) tháng tù là phù hợp.

[3] Về nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Nguyễn Võ Thiện N** nhận thấy: Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự được quy định theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên mức án 07 năm tù cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là mức án thấp nhất của khung hình phạt, không quá nặng như kháng cáo bị cáo đã nêu. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài những tình tiết cấp sơ thẩm đã xem xét nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đối với các bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc P**, **Lê Thúy H** tại cấp phúc thẩm cung cấp tình tiết mới là đang mang thai, hiện sắp sinh nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[4] Về án phí:

Kháng cáo của bị cáo **N** không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSPT.

Kháng cáo của các bị cáo P và H được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm bào chữa cho bị cáo H của các luật sư phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tình tiết giảm nhẹ mới của bị cáo tại cấp phúc thẩm nên được chấp nhận.

Riêng quan điểm bào chữa của các luật sư cho rằng các bị cáo không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và đề nghị hủy án bản sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Đối với đề nghị của luật sư về việc xem xét lại giá trị pháp lý và giá trị khoa học của Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Võ Thiện N; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc P và Lê Thúy H, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 363/2023/HSST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (do có tình tiết mới).

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Võ Thiện N **07 (B) năm tù** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị giam giữ trước đó từ ngày 08/01/2023 đến ngày 22/02/2023.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Thị Ngọc P **06 (sáu) năm tù..**

- Lê Thúy H **06 (sáu) năm tù.**

về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù của các bị cáo P, H được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án, được trừ đi thời gian đã bị giam giữ trước đó từ ngày 08/01/2023 đến ngày 17/01/2023.

2. Về án phí:

Bị cáo N phải chịu 200.000đ án phí HSPT.

Bị cáo P, H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐN;
- TANDTP. Biên Hòa;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADSTP. Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐN;
- Phòng PV06-Công an tỉnh ĐN;
- Bị cáo – Luật sư;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Lan Hương